

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 07 - 8 - 2020  
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương
2. Ông Huỳnh Quang Toàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Văn Dương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà:***  
Ông Nguyễn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2020 về “ Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Diễm M – Sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L – Sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13/04/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/04/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Diễm M trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn L có tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Cường, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc; nhưng sau đó thì anh chị xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh L dùng tiền vợ chồng tích góp được để đánh bạc, thường xuyên rượu chè về gây gỗ đánh đập chị; làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không có hướng khắc phục và anh chị đã sống ly thân nhau đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay, tình cảm giữa chị với anh L không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lê S, sinh ngày 25/11/2011 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 28/02/2013; hiện 02 con chung đang sống với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh L không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải để Tòa án động viên anh chị đoàn tụ chung sống.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ngày 14/05/2020 và ngày 26/6/2020, ông Nguyễn T trình bày: Ông là cha của Nguyễn Văn L; ông đã nhận thay thông báo về việc thụ lý vụ án; các văn bản tố tụng của Tòa án và ông đã giao lại cho con ông là Nguyễn Văn L. Ngày 11/05/2020, Nguyễn Văn L có về nhà ở thôn N, xã Phổ C và có gặp chị Lê Thị Diễm M động viên về chung sống nhưng không được; ông đã trực tiếp giao thông báo thụ lý vụ án cho anh L. Quá trình chung sống thì theo ông được biết anh chị có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L cờ bạc làm cho kinh tế gia đình khó khăn nên anh chị có cãi vã nhau. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình có tổ chức hòa giải động viên để anh chị về chung sống nhưng không thành. Sau đó anh L bỏ nhà vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, ông biết địa chỉ cụ thể của anh L ở thành phố Hồ Chí Minh và anh L thường xuyên về thăm nhà; hiện 02 con chung đang sống với chị M. Việc chị M yêu cầu ly hôn anh L ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với Công an xã Phổ Cường xác định: Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì anh L có mặt tại địa phương xã P, thị xã Đ; anh Nguyễn Văn L thường xuyên đi về nhà cha đẻ tại xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm M, cho chị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Lem.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Lê S, sinh ngày 25/11/2011 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 28/02/2013 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng cho con: Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên đề nghị không xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị Diễm M khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn L cư trú tại thôn N, xã Phổ C, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[1.2] Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị M đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Lê Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 15 tháng 12 năm 2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc; sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ anh L lâm vào con đường cờ bạc, làm cho tài chính gia đình khó khăn và anh L còn đánh đập chị M dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc; anh chị thực sự sống ly thân đã lâu. Mặt khác, bản thân anh L thiếu sự quan tâm và

chăm sóc vợ con; anh L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Lê Thị Diễm M được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Lê S, sinh ngày 25/11/2011 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 28/02/2013; hiện các con chung đang sống với chị M. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ anh L vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng và người cha. Mặt khác, cháu S và cháu N đều trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với chị M; các con chung của anh chị đang trong giai đoạn hình thành nhân cách và tâm sinh lý. Để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở và sự phát triển toàn vẹn của các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao 02 con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con, xét việc không yêu cầu của chị M là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên không xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Lê Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 02 Điều 227, Điều 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Diễm M được ly hôn anh Nguyễn Văn L.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê S, sinh ngày 25/11/2011 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 28/02/2013 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không cấp dưỡng tiền cho con.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số AA/2018/0002868 ngày 28 tháng 04 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Cường;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thanh Sang**





















